TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2023
Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đinh Công Luận**

Ông **Nguyễn Ngọc Quyền**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 344/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị B Tr**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Phạm V Đ** – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trang trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Tr trình bày chị và anh Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do trong thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên hay cải nhau. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, nên đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Từ

khi ly thân đến nay hai bên không tới lui hàn gắn hôn nhân, không tới lui thăm nom, không quan tâm nhau chị Tr thì sống tại nhà cha, mẹ chị Tr; Anh Đ thì sống tại nhà cha, mẹ anh Đ. Nay chị Tr không còn tình cảm với anh Đ, cũng do không có đăng ký kết hôn, nên yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Đ.

- Về con chung: Chị Tr và anh Đ có 01 con chung là Phạm Ch H, sinh 16 tháng 9 năm 2010. Cháu H đang sống chung chị Tr đã ổn định, nên chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Chị Tr xác định chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời trình bày của bị đơn:* Anh Phạm V Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; Anh Đ không có đơn đề nghị vắng mặt nộp cho Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Tr đối với anh Đ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Th B Tr và anh Phạm V Đ là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ch H, sinh ngày 16/9/2010 cho chị Tr nuôi.

+ Về tài sản, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

+ Chị Trang phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Tr yêu cầu ly hôn anh Đ, nơi cư trú của anh Đ tại huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh Đ là phù hợp quy định Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu về hôn nhân của nguyên đơn:

Chị Tr và anh Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Tr yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Đ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Th B Tr và anh Phạm V Đ.

[4] Xét về quan hệ con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Tr và anh Đ có 01 con chung là cháu Phạm Ch H, sinh 16 tháng 9 năm 2010, cháu H đang sống chung chị Tr. Chị Tr có yêu cầu được nuôi con khi ly hôn và cháu Hào cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Tr.

Hội đồng xét xử, anh Đ đã được Tòa án thông báo và đã biết được yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của chị Tr với anh Đ, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị Tr, không có tranh chấp nuôi con với chị Tr. Do đó, Hội đồng xét xử khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi; Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Tr xác định chị và anh Đ không có tài sản cũng không có nợ; Anh Đ cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Buộc chị Tr chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ chuyển sang thu án phí.

- Anh Pham V Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Th B Tr và anh Phạm V Đ.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung là cháu Phạm Ch H, sinh 16 tháng 9 năm 2010 cho chị Tr trực tiếp nuôi; Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi: Chị Tr không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Buộc chị Lâm Th B Tr phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0005459 ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí 300.000đ.

- Anh Phạm V Đ không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Thị Đang